

Quận Q, ngày 29 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Q, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84;
Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1095/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: 397/1C Đỗ Xuân Hợp, tổ 5, khu phố 5, phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1975

Địa chỉ: 130C Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, Quận X, Thành Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Ngọc G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyền số 01-05, do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/02/2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông G là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Đ và ông G chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Xét tình trạng hôn nhân giữa

bà Đ và ông G đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được; bà Đ và ông G xác định không còn tình cảm vợ chồng nên việc bà Đ và ông G yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 4 con chung tên Nguyễn Ngọc Du, sinh ngày 21/02/2005, Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 31/7/2012, Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 29/7/2016 và Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 29/7/2016. Bà Đ và ông G thỏa thuận bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung, ông G cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.250.000 đồng/tháng. Thỏa thuận này của bà Đ và ông G là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Đ và ông G tự khai không có.

[4] Về nợ chung: Bà Đ và ông G tự khai không có.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Ngọc G thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyền số 01-05, do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/02/2005 cho bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Ngọc G không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 4 con chung tên Nguyễn Ngọc Du, sinh ngày 21/02/2005, Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 31/7/2012, Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 29/7/2016 và Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 29/7/2016. Bà Vũ Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung. Ông Nguyễn Ngọc G cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.250.000 đồng/tháng bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ông G được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà Đ và ông G tự khai không có.

- Về nợ chung: Bà Đ và ông G tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm về giải quyết việc hôn nhân là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Ngọc G mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Đ, ông G đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2019/0047154 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ, ông G đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Q;
- Chi cục THADS Quận Q;
- UBND P. A, Tp. S, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Chung Cảnh Long